

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Lê Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 06/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị L, sinh năm 1987

HKTT: Thôn M1, xã M, Thanh Hà, Hải Dương

Địa chỉ hiện ở: Xóm 3 xã X, Thanh Hà, Hải Dương.

2 *Bị đơn:* Anh Lương Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn M1, xã M, Thanh Hà, Hải Dương

3. *Người làm chứng:*

- Ông Đồng Quảng S, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 3, xã X, Thanh Hà, Hải Dương.

- Bà Đặng Thị D, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn M1, xã M, Thanh Hà, Hải Dương

(Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt; anh H những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị L và anh H kết hôn vào ngày 11/8/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ, lối sống, không chung chí hướng làm ăn. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, kinh tế gia đình sa sút, khó khăn. Sau khi chị L sinh con thứ hai xong thì cuộc sống vợ chồng trở nên khó khăn hơn và vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Từ năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lương Thị Thu H1, sinh ngày 22/7/2010 và Lương Văn Q, sinh ngày 02/01/2012. Khi ly hôn chị xin nuôi con H1, đề nghị giao con Q cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện chị làm công nhân, lương cơ bản một tháng là 5.200.000đ (chưa kể thu nhập làm tăng ca).

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là bà Đặng Thị D, ông Đồng Quảng S, cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng anh H chị L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, Bà D (mẹ đẻ anh H), ông S (bố đẻ chị L) còn ý kiến gia đình sẽ hỗ trợ chăm sóc các cháu nếu anh chị được Tòa án giao nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị L và anh H ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Lương Thị Thu H1, sinh ngày 22/7/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Lương Văn Q, sinh ngày 02/01/2012 cho anh H trực

tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh H đã nảy sinh xô xát, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định không còn tình cảm gì với anh H và xin ly hôn với anh H. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó thể hiện bị đơn không có thiện chí đoàn tụ và không còn tha thiết níu giữ cuộc hôn nhân này. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị L ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là Lương Thị Thu H1, sinh ngày 22/7/2010 và Lương Văn Q, sinh ngày 02/01/2012. Hiện nay cháu Hà, cháu Quảng đều đang ở cùng bố và ông bà nội. Xem xét nguyện vọng xin nuôi con H1 của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Chị L hiện có công việc và thu nhập ổn định, Chị L cũng chưa từng bị kết án hay bị xử phạt về hành vi ngược đãi trẻ em nên có đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung. Ngoài ra, qua tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của nguyên đơn cũng như mẹ đẻ anh H thể hiện: Thu nhập hiện nay của anh H, chị L không phải ở mức quá cao. Cháu Hà là con gái, lại đang bước vào độ tuổi mà cơ thể có nhiều thay đổi cả về thể chất lẫn tinh thần, nên rất cần sự tư vấn và chia sẻ từ người mẹ. Cháu Hà có ý kiến cháu ở với ai cũng được. Do đó, để đảm bảo điều kiện nuôi dạy tốt nhất cho con chung, cũng như đảm bảo quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dạy con của cha

mẹ, cần giao cháu Hà cho chị L, giao cháu Quảng cho anh H nuôi dưỡng. Do mỗi người được giao nuôi 01 con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đồng Thị L ly hôn anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lương Thị Thu H1, sinh ngày 22/7/2010 cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu Hà thành niên. Giao con chung là Lương Văn Q, sinh ngày 02/01/2012 cho anh H nuôi dưỡng đến khi cháu Quảng thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh H, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000600 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã M, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung